

Phụ lục số 1 : Mẫu báo cáo gửi Sở giao dịch chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán
VPBank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 950/CV- VPBankS

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 09/2025

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần chứng khoán VPBank xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABR			ABR
3	ABT			ABT
4	ACB			ACB
5	ACC			ACC
6	ACG			ACG
7	ACL			ACL
8	ADG			ADG
9	ADP			ADP
10	ADS			ADS
11	AGG			AGG
12	AGR			AGR
13	ANV			ANV
14	ASG			ASG
15	ASM			ASM
16	AST			AST
17	BAF			BAF

18	BBC			BBC
19	BCM			BCM
20			BCE	BCE
21	BFC			BFC
22	BHN			BHN
23	BIC			BIC
24	BID			BID
25	BKG			BKG
26	BMC			BMC
27	BMI			BMI
28	BMP			BMP
29	BRC			BRC
30	BSI			BSI
31	BSR			BSR
32	BTP			BTP
33	BTT			BTT
34	BVH			BVH
35	BWE			BWE
36	C32	C32		
37	CCI			CCI
38	CCL			CCL
39	CDC			CDC
40	CHP			CHP
41	CII			CII
42	CKG			CKG
43	CLC			CLC
44	CLL			CLL
45	CLW			CLW
46	CMG			CMG
47	CMV			CMV
48	CNG			CNG
49	COM			COM
50	CRC			CRC

51	CRE			CRE
52	CSM			CSM
53	CSV			CSV
54	CTD			CTD
55	CTF			CTF
56	CTG			CTG
57	CTI			CTI
58	CTR			CTR
59	CTS			CTS
60	CVT			CVT
61	D2D			D2D
62	DAT			DAT
63	DBC			DBC
64	DBD			DBD
65	DBT			DBT
66	DC4			DC4
67	DCL			DCL
68	DCM			DCM
69	DGC			DGC
70	DGW			DGW
71	DHA			DHA
72	DHC			DHC
73	DHG			DHG
74	DIG			DIG
75	DMC			DMC
76	DPG			DPG
77	DPM			DPM
78	DPR			DPR
79	DRC			DRC
80	DRL			DRL
81			DSC	DSC
82	DSE			DSE
83	DSN			DSN

84	DTA			DTA
85	DTT			DTT
86	DVP			DVP
87	DXG			DXG
88	DXS			DXS
89	EIB			EIB
90	ELC			ELC
91	EVF			EVF
92			EVG	EVG
93	FCM			FCM
94	FCN			FCN
95	FIR			FIR
96	FIT			FIT
97	FMC			FMC
98	FPT			FPT
99	FRT			FRT
100	FTS			FTS
101	GAS			GAS
102	GDT			GDT
103	GEE			GEE
104	GEG			GEG
105	GEX			GEX
106	GMD			GMD
107	GMH			GMH
108	GSP			GSP
109	GTA			GTA
110	GVR			GVR
111	HAH			HAH
112	HAP	HAP		
113	HAR			HAR
114	HAX			HAX
115	HCD			HCD
116	HCM			HCM

117	HDB			HDB
118	HDC			HDC
119	HDG			HDG
120	HHP			HHP
121	HHS			HHS
122	HHV			HHV
123			HID	HID
124	HII			HII
125	HMC			HMC
126	HNA			HNA
127	HPG			HPG
128	HPX			HPX
129	HQC			HQC
130	HRC			HRC
131	HSG			HSG
132	HSL			HSL
133	HT1			HT1
134	HTG			HTG
135	HTI			HTI
136	HTL			HTL
137	HTN			HTN
138	HTV			HTV
139	HU1			HU1
140	HUB			HUB
141	HVH			HVH
142	ICT			ICT
143	IDI			IDI
144	IJC			IJC
145	ILB			ILB
146	IMP			IMP
147	ITC			ITC
148			ITD	ITD
149	KBC			KBC



150	KDC			KDC
151	KDH			KDH
152	KHG			KHG
153	KHP			KHP
154	KMR			KMR
155	KOS			KOS
156	KSB			KSB
157	L10			L10
158	LAF			LAF
159	LBM			LBM
160	LCG			LCG
161	LGC			LGC
162	LHG			LHG
163	LIX			LIX
164	LM8			LM8
165	LPB			LPB
166	LSS			LSS
167	MBB			MBB
168	MCM			MCM
169	MCP			MCP
170	MHC			MHC
171	MIG			MIG
172	MSB			MSB
173	MSH			MSH
174	MSN			MSN
175	MWG			MWG
176	NAB			NAB
177	NAF			NAF
178	NAV			NAV
179	NBB			NBB
180	NCT			NCT
181	NHA			NHA
182	NHH			NHH

183	NHT			NHT
184	NKG			NKG
185	NLG			NLG
186	NNC			NNC
187	NO1			NO1
188	NSC			NSC
189	NT2			NT2
190	NTL			NTL
191	OCB			OCB
192	OPC			OPC
193	PAC			PAC
194	PAN			PAN
195	PC1			PC1
196	PDN			PDN
197	PDR			PDR
198	PET			PET
199	PGC			PGC
200	PGD			PGD
201	PGI			PGI
202	PHC			PHC
203	PHR			PHR
204	PJT			PJT
205	PLP			PLP
206	PLX			PLX
207	PNC			PNC
208	PNJ			PNJ
209	POW			POW
210	PPC			PPC
211	PTB			PTB
212	PTC			PTC
213	PVD			PVD
214	PVP			PVP
215	PVT			PVT



216	QCG			QCG
217	QNP			QNP
218	RAL			RAL
219	REE			REE
220			RYG	RYG
221	S4A			S4A
222	SAB			SAB
223	SAM			SAM
224	SBA			SBA
225	SBG			SBG
226	SBT			SBT
227	SC5			SC5
228	SCR			SCR
229	SCS			SCS
230	SFC			SFC
231	SFG			SFG
232	SFI			SFI
233	SGN			SGN
234	SGR			SGR
235	SGT			SGT
236	SHA			SHA
237	SHB			SHB
238	SHI			SHI
239	SHP			SHP
240	SIP			SIP
241	SJD			SJD
242	SJS			SJS
243	SKG			SKG
244	SMA	SMA		
245	SMB			SMB
246	SPM			SPM
247	SRC			SRC
248	SSB			SSB

249	SSC			SSC
250	SSI			SSI
251	ST8			ST8
252	STB			STB
253	STG			STG
254	STK			STK
255	SVC			SVC
256	SVI			SVI
257	SVT			SVT
258	SZC			SZC
259	SZL			SZL
260	TBC			TBC
261	TCB			TCB
262	TCH			TCH
263	TCI			TCI
264	TCL			TCL
265	TCM			TCM
266	TCO			TCO
267	TCT			TCT
268	TDC			TDC
269	TDG			TDG
270	TDM			TDM
271	TDP			TDP
272	TDW			TDW
273	TEG			TEG
274	THG			THG
275	TIP			TIP
276	TIX			TIX
277	TLD			TLD
278	TLG			TLG
279	TMP			TMP
280	TMS			TMS
281	TN1			TN1

282	TNC			TNC
283	TNH	TNH		
284	TNT			TNT
285	TPB			TPB
286	TRA			TRA
287	TRC			TRC
288	TTA			TTA
289	TV2			TV2
290	TVB			TVB
291	TVS			TVS
292	TVT			TVT
293	TYA			TYA
294	UIC			UIC
295	VCB			VCB
296	VCF			VCF
297	VCG			VCG
298	VCI			VCI
299	VDP			VDP
300	VDS			VDS
301	VFG			VFG
302	VGC			VGC
303	VHC			VHC
304	VHM			VHM
305	VIB			VIB
306	VIC			VIC
307	VID			VID
308	VIP			VIP
309	VIX			VIX
310	VJC			VJC
311	VMD	VMD		
312	VND			VND
313	VNG	VNG		
314	VNL			VNL

315	VNM			VNM
316	VNS			VNS
317	VPD			VPD
318	VPG			VPG
319	VPH	VPH		
320	VPI			VPI
321	VPS			VPS
322	VRC			VRC
323	VRE			VRE
324	VSC			VSC
325	VSJ			VSJ
326			VTB	VTB
327	VTO	VTO		
328	VTP			VTP
329	YBM			YBM
330	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo này cho Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	AMC			AMC
3	ARM			ARM
4	ATS			ATS
5	BAB			BAB
6	BAX			BAX
7	BBS			BBS
8	BCF			BCF
9	BED			BED
10	BKC			BKC

11	BNA	BNA		
12	BPC			BPC
13	BSC			BSC
14	BTW			BTW
15	BVS			BVS
16	BXH			BXH
17	C69			C69
18	CAN			CAN
19	CAP			CAP
20			CAR	CAR
21	CCR			CCR
22	CDN			CDN
23	CEO			CEO
24	CIA			CIA
25			CJC	CJC
26	CKV			CKV
27	CLH			CLH
28	CLM			CLM
29	CMC			CMC
30	CMS			CMS
31	CPC			CPC
32	CSC			CSC
33	CTB			CTB
34	CTP			CTP
35	CTT			CTT
36	CX8			CX8
37	D11			D11
38	DAD			DAD
39	DAE			DAE
40	DC2			DC2
41	DHP			DHP
42	DHT			DHT
43	DIH			DIH

44	DLI			DLI
45	DNC			DNC
46	DNP			DNP
47	DP3			DP3
48	DST			DST
49	DTD			DTD
50	DTG			DTG
51	DTK			DTK
52	DVM			DVM
53	DXP			DXP
54	EBS			EBS
55	EID			EID
56	EVS			EVS
57	GDW			GDW
58	GIC			GIC
59			GLT	GLT
60	GMA	GMA		
61	GMX			GMX
62	HAD			HAD
63	HAT			HAT
64	HCC			HCC
65	HDA			HDA
66	HGM			HGM
67	HHC			HHC
68	HJS			HJS
69	HKT			HKT
70	HLC			HLC
71			HLD	HLD
72	HMH			HMH
73	HMR			HMR
74	HTC			HTC
75	HUT			HUT
76	HVT			HVT

77	ICG	ICG		
78	IDC			IDC
79	IDV			IDV
80	INC			INC
81	INN			INN
82	IPA			IPA
83	ITQ			ITQ
84	IVS			IVS
85	KHS			KHS
86	KMT			KMT
87	KSF			KSF
88	KST			KST
89	KSV			KSV
90	KTS			KTS
91	L14			L14
92	L18			L18
93	L40			L40
94	LAS			LAS
95	LBE			LBE
96			LCD	LCD
97	LHC			LHC
98	LIG			LIG
99	MAC			MAC
100	MBG			MBG
101	MBS			MBS
102	MCC			MCC
103	MCF			MCF
104	MCO			MCO
105	MDC			MDC
106	MEL			MEL
107	MKV			MKV
108	MST			MST
109	MVB			MVB

110	NAG			NAG
111	NAP			NAP
112	NBC			NBC
113	NBW			NBW
114	NDN			NDN
115	NDX			NDX
116	NET			NET
117	NFC			NFC
118	NHC			NHC
119	NSH			NSH
120	NST			NST
121	NTH			NTH
122	NTP			NTP
123	ONE			ONE
124	PBP			PBP
125	PCE			PCE
126	PCH			PCH
127	PCT			PCT
128	PDB			PDB
129	PGS			PGS
130	PHN			PHN
131	PIA			PIA
132	PIC			PIC
133	PJC			PJC
134	PLC			PLC
135	PMB			PMB
136	PMC			PMC
137	PMP			PMP
138	PMS			PMS
139	PPP			PPP
140	PPS			PPS
141	PPT			PPT
142	PPY			PPY



143	PRC			PRC
144	PRE			PRE
145	PSC			PSC
146	PSD			PSD
147	PSE			PSE
148	PSI			PSI
149	PSW			PSW
150	PTI			PTI
151	PTS			PTS
152	PTX			PTX
153	PVB			PVB
154	PVC			PVC
155	PVG			PVG
156	PVI			PVI
157	PVS			PVS
158	QHD			QHD
159	QST			QST
160	QTC			QTC
161	RCL			RCL
162	S55			S55
163	S99			S99
164	SAF			SAF
165	SCG			SCG
166	SCI	SCI		
167	SD5			SD5
168	SD9			SD9
169	SDC			SDC
170	SDN			SDN
171	SEB			SEB
172	SED			SED
173	SFN			SFN
174	SGC			SGC
175	SGH			SGH

176	SHE			SHE
177	SHN			SHN
178	SHS			SHS
179	SJ1			SJ1
180	SJE			SJE
181	SLS			SLS
182	SMN			SMN
183	STC			STC
184	STP			STP
185	SVN			SVN
186	SZB			SZB
187	TA9			TA9
188	TBX			TBX
189	TDT			TDT
190	TET			TET
191	TFC			TFC
192	THD			THD
193	THS			THS
194	TJC			TJC
195	TKU			TKU
196	TMB			TMB
197	TMC			TMC
198	TMX			TMX
199	TNG			TNG
200	TOT			TOT
201	TPP			TPP
202	TSB			TSB
203	TTC			TTC
204	TTT			TTT
205	TV4			TV4
206			TVC	TVC
207	TVD			TVD
208	UNI			UNI

209	V12			V12
210	VBC			VBC
211	VC1			VC1
212	VC3			VC3
213	VC6			VC6
214	VC7			VC7
215	VCC			VCC
216	VCM			VCM
217	VCS			VCS
218			VDL	VDL
219	VFS			VFS
220	VGP			VGP
221	VGS			VGS
222	VHE			VHE
223	VIF			VIF
224	VIT			VIT
225	VLA			VLA
226	VMC			VMC
227	VMS			VMS
228	VNC			VNC
229	VNF			VNF
230	VNR			VNR
231	VSA			VSA
232	VSM			VSM
233	VTC	VTC		
234	VTH			VTH
235	VTZ			VTZ
236	WCS			WCS
237			X20	X20

<https://www.vpbanks.com.vn/post/danh-muc-chung-khoan-giao-dich-ky-quy-ap-dung-tu-ngay-25-09-2025>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Thu Hà

Kiểm soát

(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Lê

TU QUẢN GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Lê Văn Minh

